



RỦI RO TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KÍCH CẦU KINH TẾ QUA HỖ TRỢ LÃI SUẤT VÀ GIẢI PHÁP

PGS. TS. TRẦN HUY HOÀNG

Mục tiêu chính của bài viết này là giới thiệu tổng quan về chính sách kích cầu qua lãi suất, nhận định về hiệu quả của chính sách, đồng thời phân tích những rào cản, và rủi ro của chính sách kích cầu qua lãi suất đối với các ngân hàng thương mại (NHTM), trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để hạn chế rủi ro cho các NHTM.

1. Sơ lược về gói kích cầu kinh tế thông qua hỗ trợ lãi suất của Chính phủ

Ngày 12/05/2009, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố chính thức về gói kích cầu có giá trị 143.000 tỉ đồng của Chính phủ. Với công bố này, VN đã tái khẳng định được niềm tin với thế giới và nhiều quốc gia đánh giá rất cao phản ứng của Chính phủ VN trong việc đối phó với khó khăn toàn cầu.

Gói kích cầu tương đương 8 tỷ USD được chia thành 8 phần có các giá trị khác nhau. Cụ thể các phần của gói kích cầu này bao gồm:

- Hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng khoảng 17.000 tỉ đồng.
- Tạm thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản ứng trước khoảng 3.400 tỉ đồng.
- Ủng trước ngân sách nhà nước để thực hiện một số dự án cấp bách khoảng 37.200 tỉ đồng.
- Chuyển nguồn vốn đầu tư kế hoạch năm 2008 sang năm 2009 khoảng 30.200 tỉ đồng.
- Phát hành thêm trái phiếu chính phủ

khoảng 20.000 tỉ đồng.

- Thực hiện chính sách giảm thuế khoảng 28.000 tỉ đồng.

- Tăng thêm dự nợ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp khoảng 17.000 tỉ đồng.

Các khoản chi kích cầu khác nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội khoảng 7.200 tỉ đồng.

- Ngoài những khoản tiền cụ thể nêu trên, Chính phủ còn chỉ đạo NH Phát triển VN (VDB) và các quỹ tín dụng của Chính phủ và địa phương thực hiện bảo lãnh thanh toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn có nhu cầu vay vốn nhưng không đủ tài sản thế chấp tại các NHTM để vay vốn hỗ trợ sản xuất, nhằm tháo gỡ hoàn toàn những khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa [1].

Hơn thế nữa, bằng công văn số: 443/QĐ-Ttg ngày 4/4/2009 v/v hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn NH để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh và Thông tư 05/2009/TT-NHNN ngày 07/04/2009 của NHNN hướng dẫn việc thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn NH để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh. Thời hạn hỗ trợ lãi suất 24 tháng, việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện cho các khoản giải ngân phát sinh từ ngày 01/04/2009 đến 31/12/2009. Lãi suất hỗ trợ tiền vay là 4%/năm.

Về tuyên bố 8 tỷ USD này, phải thừa nhận đó là một quyết sách nhạy bén và kịp thời. Mục đích của gói kích cầu đầu tiên là ngăn chặn suy giảm kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội đã và đang phát huy tác dụng tốt. Việc triển khai thực hiện vốn kích cầu của Chính phủ khá kịp thời, đã tạo ra động lực khôi phục cho nền kinh tế đang trong tình trạng trì trệ và suy giảm, đem lại những kết quả tích cực bước đầu.

- Về cấp bù lãi suất 4% cho doanh nghiệp tối đa 12 tháng:

Mức bù lãi suất là 4% cho các khoản vay vốn lưu động theo tiêu chí nêu trên trong năm 2009. Đối tượng được vay gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Đầu mỗi cho vay là các NHTM VN; thời điểm thực hiện bắt đầu ngay từ đầu năm 2009; thời hạn hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 12 tháng. Như vậy, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực SX-KD thuộc các thành phần kinh tế đều được thụ hưởng trực tiếp khoản kích cầu 17.000 tỉ đồng của Chính phủ, thông qua việc Chính phủ bù lãi suất 4% khi vay vốn lưu động ở các NHTM VN. Qua đó hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, tiếp cận được với nguồn vốn NH với chi phí hợp lý, tạo động lực cho hệ thống NH, tổ chức tín dụng mở rộng hoạt động huy động vốn và cung ứng vốn cho nền kinh tế.

Thủ tướng đã giao NHNN chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính triển khai ngay phương án cấp bù lãi suất thông qua cho vay vốn lưu động ở các NHTM. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan khẩn trương nghiên cứu thủ tục cho vay nhanh, đơn giản, hiệu quả đối với các dự án, công trình kinh tế - xã hội đang triển khai và có khả năng hoàn thành trong năm 2009 và 2010 cũng như một số công trình cấp bách, quan trọng khác. Chính phủ cũng đã ban hành cơ chế bảo lãnh tín

dụng cho DN có vốn điều lệ 20 tỉ đồng trở xuống và dưới 500 lao động. Theo đó, không bảo lãnh tín dụng cho những ngành nghề như tư vấn, kinh doanh chứng khoán, vui chơi giải trí v.v..

Mức bảo lãnh tối đa bằng 100% số nợ gốc và lãi phát sinh. Thời hạn bảo lãnh phù hợp với thời hạn cho vay và chu kỳ sản xuất kinh doanh. Phí bảo lãnh tối đa bằng 0,5%/năm/số tiền được bảo lãnh.

Phương án sử dụng khoản kích cầu đầu tư 17.000 tỉ đồng trong năm 2009 một cách hiệu quả nhất đã được thông qua tại phiên họp thường trực Chính phủ với lãnh đạo một số Bộ, ngành, diễn ra ngày 15/01/2009. Nguồn vốn kích cầu đầu tư này được sử dụng chủ yếu bằng hình thức bù lãi suất khi doanh nghiệp vay vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh (các doanh nghiệp vay vốn lưu động để nhập khẩu hàng tiêu dùng chưa thiết yếu, vay kinh doanh chứng khoán, tài chính, NH, vay vốn để trả nợ các hợp đồng tín dụng khác v.v.. không được hưởng chính sách ưu đãi này).

Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/01/2009 và Thông tư 02/TT-NHNN ngày 03/02/2009 về việc "Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn NH để sản xuất kinh doanh", theo đó NHNN hỗ trợ lãi suất 4% cho doanh nghiệp cho đến hết năm 2009. Số tiền dùng để bù 4% lãi suất là từ ngân sách, được NHNN triển khai thông qua hệ thống NHTM. Ngày 10/03/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 333/QĐ-TTg v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn NH để sản xuất kinh doanh. Tiếp theo ngày 13/03/2009, NHNN đã ban hành Thông tư số 04/2009/TT-NHNN v/v sửa đổi, bổ sung Thông tư



số 02/2009/TT-NHNN ngày 03/02/2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn NH để sản xuất - kinh doanh.

Các ngành được cấp bù theo danh mục sau:

C1 - Ngành nông nghiệp và lâm nghiệp.

C2 - Ngành kinh tế thủy sản.

C3 - Ngành công nghiệp chế biến.

C4 - Ngành sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước.

C5 - Ngành xây dựng.

C6 - Ngành thương nghiệp: sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình.

C7 - Khách sạn nhà hàng.

C8 - Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc.

C9 - Hoạt động khoa học và công nghệ.

CB - Các ngành, lĩnh vực đặc thù khác.

Trong chính sách này, NHTM đóng vai trò trung gian giữa NHNN, Bộ Tài chính với các doanh nghiệp để thực hiện việc hỗ trợ lãi suất. Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, rõ ràng, đúng đối tượng khách hàng, đúng mục đích sử dụng vốn vay.

2. Thực trạng hiệu quả của gói kích cầu kinh tế thông qua hỗ trợ lãi suất

Theo báo cáo nhanh của các NHTM, công ty tài chính, dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất (HTLS) bằng đồng VN đến ngày 03/9/2009 là 399.739,32 tỉ đồng. So với ngày 27/8/2009, số dư nợ cho vay tăng 1.991,24 tỉ đồng (tương đương tăng 0,50%).

Chi tiết về tình hình dư nợ cho vay HTLS phân chia theo đối tượng như sau:

2.1 Dư nợ theo nhóm tổ chức tín dụng

Nhóm NHTM nhà nước và Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương là 274.316,60 tỉ đồng, tăng 329,89 tỉ đồng (tương đương tăng 0,12%); nhóm NHTM cổ phần là 99.794,90 tỉ đồng, tăng 1.824,08 tỉ đồng (tương đương tăng 1,86%); nhóm NH liên doanh, chi nhánh NH nước ngoài và NH 100% vốn nước ngoài là 20.673,45 tỉ đồng, giảm 197,21 tỉ đồng (tương đương giảm 0,94%); công ty tài chính là 4.954,36 tỉ đồng, tăng 34,47 tỉ đồng (tương đương tăng 0,70%).

2.2 Dư nợ phân theo đối tượng khách hàng vay vốn

Doanh nghiệp nhà nước 61.487,03 tỉ đồng; doanh nghiệp ngoài nhà nước (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư

nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ...) 270.109,65 tỉ đồng; hộ sản xuất là 68.142,64 tỉ đồng.

Giải pháp kích cầu thông qua hỗ trợ 4% lãi suất vay, thông qua một đầu mối ngành NH, đi cùng với việc hạ lãi suất cơ bản là giải pháp hợp lý trong hoàn cảnh hiện nay. Giải pháp này cùng với việc hoãn thuế, giảm thuế là những biện pháp ưu đãi dành cho DN và cá nhân tham gia sản xuất kinh doanh.

Điều này cho thấy Chính phủ không chỉ quan tâm đến thu ngân sách, mà còn mạnh dạn chi để nuôi dưỡng nguồn thu. Chi phí của các DN sẽ giảm đáng kể, giúp cho các nhà sản xuất - kinh doanh vượt qua giai đoạn khó khăn. Hiện nhiều NH cho vay lãi suất khoảng 10%/năm, doanh nghiệp được hỗ trợ 4% và chỉ phải chịu lãi suất khoảng 6%.

Tính đến 16/05/2009, các NH có dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất cao nhất như sau:

Nhìn tổng thể thì gói kích cầu của Chính phủ thực hiện trong thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực cho các doanh nghiệp và nền kinh tế, và chính gói kích cầu đó đã đóng góp một phần cho nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng dương, trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, hiệu quả của việc triển khai kích cầu thông qua hỗ trợ lãi suất thì hiện nay cũng đang có nhiều ý kiến. Cần phải đánh giá cả hai mặt, tích cực và hạn chế của gói kích cầu kinh tế,

Ngân Hàng	Dư nợ cho vay HTLS (tỉ đồng)
NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	85.520
NH Đầu tư và Phát triển VN	44.766
NHTM cổ phần Ngoại thương VN	38.630
NH Công thương VN	37.116
NH Sài Gòn Thương tín	12.983
NH Kỹ thương VN	7.995
NH ANZ	1.441
NH HSBC	3.013
Công ty cổ phần tài chính Dầu khí	415

trong đó phải chú ý đến những vấn đề sau:

Nguồn: NHNN

Nhìn tổng thể thì gói kích cầu lẽ ra đã có thể mang lại mức tăng trưởng tín dụng tốt hơn, theo

ước tính của các chuyên gia thì cũng phải khoảng 30%, thay vì 17% như thực tế. Như vậy, có nghĩa là có một tỷ lệ nhất định đã không đi vào sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp mà có thể đã quay trở lại NH để trả nợ cũ, như chúng ta vẫn thường gọi là "đào nợ". Việc đào nợ này có thể đã làm cho tài khoản của nhiều doanh nghiệp và NH "sạch sẽ" hơn, nhưng rõ ràng là không làm cho gói kích cầu đạt được mục tiêu mà Chính phủ mong đợi. Hơn nữa, khả năng hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh cũng không được như kỳ vọng, thể hiện rõ qua tốc độ tăng trưởng công nghiệp 6 tháng đầu năm chỉ đạt 4,8% là khá khiêm tốn, xuất khẩu cũng tiếp tục ngập chìm trong khó khăn...

Theo nhận định của tác giả bài viết, bù lãi suất 4% thực chất chỉ là "cứu trợ" cho hệ thống NH và các doanh nghiệp đang gặp khó khăn, không mang ý nghĩa nhiều cho mục tiêu kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Cần phải làm rõ cơ sở xác định mức bù lãi suất 4% và thời hạn bù lãi suất tín dụng đầu tư tới 24 tháng là quá dài so với nguyên tắc sử dụng gói kích cầu là ngắn hạn.

Thứ hai, mục tiêu của gói kích cầu là hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xuất khẩu. Thế nhưng, đến nay không hiểu vì lý do gì mà chúng ta vẫn không có được một báo cáo nào về kết quả của các đối tượng thụ hưởng. Chính điều này đã gây nên nhiều ý kiến trái chiều về hiệu quả của gói kích cầu.

Thứ ba, không có số liệu nào cho biết tỉ trọng cho vay hỗ trợ lãi suất các thành phần kinh tế thế nào. Nhưng qua số vốn cho vay của nhóm NHTM có thể dự đoán là phần lớn vốn cho vay hỗ trợ lãi suất là dành cho các doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Nếu cho vay theo từng đơn vị thành viên (vay cách này dễ đáp ứng được tiêu chuẩn về số vốn và lao động), nhưng tính theo tập đoàn có thể một số tập đoàn kinh tế nhà nước được vay nhiều nhất, mà các tập đoàn kinh tế này đang bị cho là sử dụng nguồn lực thiếu hiệu quả.

Như vậy, một dòng vốn lớn, lãi suất thấp lại đang chảy vào các DNNN làm ăn yếu kém, mà không loại trừ khả năng một phần để đào nợ. Trong khi đó, một số lượng không nhỏ DNNVV, hộ gia đình không dễ dàng tiếp cận vốn hỗ trợ lãi suất vì không đủ điều kiện vay vốn (không có tài sản thế chấp, còn nợ cũ, thiếu hoá đơn Bộ Tài chính v.v...). Hiện tượng nhóm NHTM nhà nước cho DNNN vay với một số vốn rất lớn trong một

thời gian ngắn phải chăng còn do tâm lý các NHTM nhà nước không ngại cho vay DNNN vì cùng chủ sở hữu nhà nước? Những vấn đề trên nếu thực tế đúng như suy đoán thì làm cho kích cầu qua tín dụng không được như ý muốn của nhà làm chính sách là nguồn vốn đến được những doanh nghiệp/những cá nhân kinh doanh (bất kể thành phần kinh tế nào) thật sự cần vốn để tạo ra hàng hoá.

Thứ tư, nếu xét theo tỉ lệ so với GDP, các gói kích thích của VN thuộc hàng cao so với nhiều nước trên thế giới. Và nó lại càng "lớn" hơn so với hiện trạng nền kinh tế: Kinh tế VN mới suy giảm chứ chưa suy thoái như các quốc gia Mỹ và châu Âu, Nhật. Trị giá các gói kích thích bằng 10% GDP được đưa vào nền kinh tế trong một thời gian không quá dài để tạo ra lạm phát. Đây là vấn đề đã được cảnh báo từ nhiều tháng trước. Cho đến tháng năm, chỉ số CPI dù chỉ tăng 0,44%, nhưng tính chung cả 5 tháng đầu năm 2009, CPI đã tăng hơn so với năm 2008 đến 11,59%.

Về miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế VAT, thuế TNDN (28.000 tỉ đồng), theo nhận định cá nhân, việc thực hiện miễn, giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa qua là chưa sát theo tinh thần Nghị quyết số 21/2008/QH 12 của Quốc hội, vì các doanh nghiệp được miễn, giảm lại là những doanh nghiệp có thu nhập, không thuộc đối tượng gặp khó khăn cần miễn, giảm thuế; còn các doanh nghiệp gặp khó khăn thực sự lại không có thu nhập lại không được miễn, giảm.

Mặt khác, việc miễn, giảm bình quân 30% thuế TNDN và dẫn thời hạn nộp 9 tháng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là một sự cào bằng đối với doanh nghiệp gặp khó khăn và doanh nghiệp không gặp khó khăn. Kết quả là, ngân sách thì giảm thu, nhưng mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn lại bị hạn chế.

Có thể nói rằng, việc quyết định giảm 50% thuế VAT với 30 nhóm mặt hàng và hoãn thuế thu nhập cá nhân trong 5 tháng đầu năm 2009, giảm 30% thuế TNDN, đồng thời dẫn thuế trong thời gian 9 tháng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số doanh nghiệp trong một số lĩnh vực, làm giảm thu NSNN năm 2009 khoảng 28.000 tỉ đồng là khoản tiền quá lớn. Nhưng trên thực tế, hiệu quả kinh tế đem lại chưa cao, số đông doanh nghiệp và người lao động có thu nhập thấp chưa được hưởng lợi từ các chính sách miễn, giảm thuế này, chưa thực sự khuyến khích các DN tái cấu

trúc sản xuất kinh doanh, giảm chi phí và hạ giá thành, tạo cơ hội cho hàng nước ngoài tràn vào, không bảo hộ được sản xuất trong nước.

Phân tích về dòng tiền chảy vào thị trường chứng khoán (TTCK), có thể suy đoán rằng một phần vốn vay đang đổ vào đầu tư chứng khoán, khiến dòng tiền hỗ trợ lãi suất dành cho sản xuất, kinh doanh chưa thực sự hiệu quả. Về nguyên tắc, các khoản vay hỗ trợ lãi suất mà Chính phủ đưa ra không hỗ trợ cho đầu tư chứng khoán, song với việc TTCK sôi động trong thời gian từ tháng 4 trở lại đây và cùng thời điểm Chính phủ triển khai mạnh mẽ gói kích cầu đã khiến nhiều chuyên gia đặt câu hỏi về dòng vốn rẽ đang được đổ một phần vào chứng khoán.

3. Một số rào cản khi thực hiện kích cầu

Chương trình HTLS 4%/năm đã hỗ trợ thiết thực cho các DN, nhưng mới chỉ áp dụng cho các hợp đồng vay mới từ 1-2-2009, chứ không áp dụng cho các hợp đồng ký trước đó. Trước đây, khi NHNN tăng lãi suất, nhiều NHTM yêu cầu DN phải chấp nhận điều chỉnh tăng lãi vay. Nhưng khi lãi suất cơ bản giảm, thì những hợp đồng vay trước đó không được giám theo, do đó DN phải trả lãi suất 12-16%/năm, thậm chí lên đến 19%/năm.

Nhiều DN đã phản ứng rằng, các gói kích cầu đã bộc lộ một vài hạn chế về đối tượng được hưởng HTLS. Quyết định số 2095/2009/QĐ-BTC của Bộ Công thương ban hành ghi rõ danh mục các loại máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thuộc danh mục chi tiết hàng hóa sản xuất trong nước được hưởng HTLS. Nhưng trên thực tế có nhiều loại máy móc do cá nhân tự sáng chế, lại không nằm trong danh mục quy định tại quyết định này, nên không được HTLS. Do đó, người vay vốn để mua những máy móc trên không được tiếp cận gói kích cầu của Chính phủ. Chưa kể một số máy móc nhập ngoại có tính năng, tác dụng phù hợp để ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, mà trong nước chưa sản xuất được cũng không được vay vốn HTLS. Do nguồn nguyên liệu khai thác trong nước chưa đủ để đáp ứng nhu cầu chế biến hàng xuất khẩu thủy sản, nhiều DN đã nhập cá đông lạnh về chế biến hàng xuất khẩu, nhưng mặt hàng này cũng không thuộc đối tượng được ưu tiên.

Các hộ nông dân trồng cà phê, tiêu, điều v.v. với suất đầu tư lớn (32-35 triệu đồng/ha), nhưng

theo Thông tư số 09 của NHNN, mức vay HTLS lại không quá 7 triệu đồng/ha, như vậy là rất thấp. Những ví dụ trên cho thấy nhiều DN và bà con nông dân đã gặp không ít rào cản khi tiếp cận gói kích cầu của Chính phủ.

Thực tế đã cho thấy, gói kích cầu này đã hỗ trợ hiệu quả cho các DN mạnh, còn DN vừa và nhỏ vẫn gặp khó khăn, có DN còn bị phá sản do không tiếp cận được nguồn vốn. Thêm vào đó, nhiều DN vẫn phải loay hoay thay đổi phương hướng kinh doanh để đáp ứng những điều kiện để được hưởng HTLS của NH. Do vậy, tốc độ giải ngân gói HTLS không được như mong muốn...

Nền kinh tế VN đã qua mức đáy, bắt đầu cải thiện từ quý II/2009. Tuy nhiên, các ngành chức năng cần xác định thời điểm kết thúc chiến lược kích thích kinh tế. Đây là việc làm không dễ, bởi nếu kết thúc quá sớm, nền kinh tế có thể suy thoái trở lại, nhưng nếu kết thúc quá muộn, có thể bị lạm phát trở lại.

Thời gian gần đây, lãi suất huy động VNĐ ở một số NH tăng mạnh, chứng tỏ nguồn vốn có dấu hiệu khan hiếm, các NH đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn. Vì vậy, nguồn vốn cho vay trung, dài hạn theo chương trình HTLS không dồi dào.

Nền kinh tế VN có mức tăng trưởng tương đối lớn trong 6 tháng đầu năm, nhưng từ tháng 7 trở đi có dấu hiệu chững lại. Do vậy, việc điều chỉnh giữa ngăn ngừa lạm phát với tăng trưởng cần linh hoạt để không gây ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới.

4. Rủi ro các NH gặp phải trong quá trình thực hiện chính sách kích cầu kinh tế thông qua hỗ trợ lãi suất của Chính phủ và giải pháp khắc phục

4.1 Rủi ro

- Các NH gặp rất nhiều vướng mắc trong việc thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất do danh mục các đối tượng ngành kinh tế được hỗ trợ lãi suất theo quy định của NHNN, do đó dễ dẫn đến hỗ trợ nhầm đối tượng được hỗ trợ lãi suất. Ví dụ như theo quyết định số 2095/2009 của Bộ Công thương ban hành danh mục các loại máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn thuộc danh mục chi tiết hàng hóa sản xuất trong nước được hưởng hỗ trợ lãi suất. Nhưng trên thực tế có những loại máy móc do cá nhân tự sáng

chế không nằm trong danh mục quy định tại Quyết định 2095 nên người vay vốn đã không được hỗ trợ lãi suất để mua các máy móc kể trên.

- Vẫn còn một số vấn đề về đối tượng, phạm vi áp dụng quy định hỗ trợ lãi suất chưa được xác định rõ ràng; một số trường hợp phát sinh trong thực tế như quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, điều kiện bảo lãnh... Chẳng hạn, việc xác định ngành nghề kinh doanh được hưởng lãi suất hỗ trợ đối với các doanh nghiệp đăng ký nhiều ngành nghề nhưng trên thực tế khó xác định lĩnh vực nào hoạt động chính; việc sử dụng lao động của doanh nghiệp không ổn định, không có cơ sở xác định chính xác. Theo quy định, doanh nghiệp tự khai, đề nghị được hưởng mức hỗ trợ lãi suất nhưng quy định chưa nói rõ cơ quan nào thẩm định. Hoặc những trường hợp đang vay vốn NH trước đây, nay muốn hoàn trả vốn sớm để vay lại theo chương trình hỗ trợ lãi suất thì giải quyết như thế nào. Những vấn đề này, Thông tư của NHNN chưa đề cập do đó dễ dẫn đến việc hỗ trợ lãi suất của các NHTM sai mục đích, sai đối tượng.

- Hiện nay hồ sơ của nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không phản ánh đầy đủ, ghi chép chưa rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật về hạch toán, kế toán. Vì vậy, việc xác định tính hợp pháp của chứng từ, sổ sách, tài liệu liên quan nhằm chứng minh mục đích sử dụng vốn và xác định đối tượng được hỗ trợ lãi suất đối với kiểm tra định kỳ của NHNN gặp nhiều khó khăn. Nhiều khách hàng, nhất là hộ cá thể hoạt động sản xuất, kinh doanh đa số chưa tích cực tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất. Vì họ hoạt động trên cơ sở lòng tin, việc mua, bán hay thanh toán tiền hàng thực hiện theo cách thức ghi chép sổ tay, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nên không xác định được đối tượng hỗ trợ lãi suất.

- Chính sách hỗ trợ lãi suất có rất nhiều quy định bất lợi cho các NH. Cụ thể như NH vừa không được từ chối khách hàng đúng đối tượng, vừa phải đảm bảo các cơ sở về mặt pháp lý khi thực hiện cho khách hàng vay để tránh rủi ro khi NHNN thanh tra, kiểm tra. Do đó, khối lượng công việc của các NH tăng lên rất nhiều so với việc giải quyết cho vay theo cơ chế thông thường. Trong khi đó, số lượng cán bộ lại chưa thể tăng lên tương ứng với công việc mới phát sinh bởi chính các NH cũng cần tiết giảm chi phí, bao gồm chi phí về lương nhân viên trong tình hình kinh tế đang suy giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả công

việc.

- Mặc dù NH đã rất tích cực trong việc tuyên truyền nhưng một bộ phận người dân vẫn còn hiểu chưa đúng về quy định cho vay hỗ trợ lãi suất. Nhiều người còn tưởng rằng đây là nguồn vốn Chính phủ rót xuống và trách nhiệm của NH phải giải ngân và phân bổ về cho nông dân nhưng trong thực tế, việc cho vay là theo cơ chế vay thông thường, nếu đủ điều kiện, NH mới tiến hành hỗ trợ lãi suất. Điều đó gây nên tình trạng hồ sơ ảo làm lãng phí thời gian cho người dân cũng như tạo thêm phức tạp trong công tác thẩm định hồ sơ cho vay của NH, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

- Thực tế khi triển khai hỗ trợ lãi suất, NH có ba khó khăn và rủi ro:

Thứ nhất, khách hàng tìm cách trả nợ đã vay hoặc cầm cố sổ tiết kiệm đang hưởng lãi suất cao để xin vay lãi suất thấp khiến NH thiệt hại.

Thứ hai, được vay vốn giá rẻ, những doanh nghiệp không thuộc đối tượng có thể tìm mọi cách tiếp cận để vay gây khó khăn cho NH trong việc xác minh và thẩm định đối tượng vay vốn.

Thứ ba, nếu doanh nghiệp sử dụng vốn không đúng mục đích, dẫn đến gia tăng nợ xấu cho NH và cán bộ NH phải chịu trách nhiệm nặng nề. Nếu làm sai quy định, NHNN sẽ không trả 4%/năm lãi suất cho các NH đã cung ứng vốn sai đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất.

- Việc thực hiện bù lãi suất 4% cho vay thực hiện trong 24 tháng; chính sách miễn, giảm thuế kéo dài... dễ xảy ra thất thoát, lãng phí các nguồn vốn vay. Nếu không được giám sát chặt chẽ và quản lý có hiệu quả, hoặc sẽ gia tăng gánh nặng nợ nần và các hiện tượng "đầu cơ nóng" với các dự án vay chất lượng thấp hoặc triển khai kém, giải ngân không đúng mục đích gây rủi ro cho NH.

5. Giải pháp hạn chế rủi ro

- Chính phủ cần xem xét lại chính sách kích cầu, đánh giá kết quả của gói kích cầu là hết sức cần thiết, xem xét xem gói kích cầu có thực sự giúp chúng ta vượt qua khủng hoảng hay không, vừa tránh được lãng phí đồng thời việc yêu cầu đánh giá gói kích cầu cũng sẽ ràng buộc trách nhiệm của những người và cơ quan liên quan. Việc thực hiện chính sách kích cầu tập trung theo các đề xuất sau:

Tập trung gói kích cầu vào các đối tượng dễ bị tổn thương là người lao động thu nhập thấp và

người nghèo. Tiến hành xây dựng và thực thi hiệu quả hệ thống an ninh xã hội, mà cụ thể là hệ thống bảo hiểm thất nghiệp.

Kết hợp thực hiện đồng bộ gói kích cầu với các chính sách khác là chính sách tiền tệ, tỉ giá, chính sách hỗ trợ xuất khẩu, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài. Có biện pháp dự phòng và sẵn sàng thực hiện tiếp các gói kích cầu tiếp theo nếu cần.

Tiến hành ngay các biện pháp giám sát, đánh giá đối với các gói kích cầu và đảm bảo thực hiện ngay các biện pháp cần thiết để chống thâm hụt ngân sách, tiến tới cân bằng ngân sách và đảm bảo ngân sách lành mạnh.

- Trong điều kiện nói lỏng tiền tệ (tín dụng) nền kinh tế cần một hệ thống NH hiệu quả (đặc biệt hệ thống quản lý rủi ro phải hoạt động tốt). Việc cho vay hỗ trợ phải đảm bảo hạn chế được việc các doanh nghiệp vay để đảo nợ (trả những khoản nợ đang vay để vay vốn mới với lãi suất thấp hơn); và đảm bảo rằng các doanh nghiệp khó khăn, không đủ điều kiện vay sẽ tiếp cận được khoản hỗ trợ này... để thoát ra khỏi khó khăn và qua đó trả được nợ trong tương lai. Khi có nói lỏng tín dụng hay hỗ trợ của Nhà nước, thường xuất hiện hành vi lợi dụng. Các NH có chế độ quản lý yếu kém có thể bị thiệt hại do nhân viên tiêu cực, hoặc có khi chính NH lại lợi dụng các chính sách hỗ trợ này của Nhà nước để làm lợi cho mình ... Một hệ thống NH tốt sẽ có khả năng truyền tải chính sách tiền tệ hiệu quả, trong đó bao gồm cả chính sách kích cầu.

- NHNN mở một đường dây nóng cho các NHTM để kịp thời giải đáp thắc mắc. Đánh giá rằng có những vấn đề đã được quy định trong văn bản, nhưng cũng còn những vấn đề nhỏ lẻ có thể gây ách tắc.

- Các NH lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất, khi thực hiện giảm trừ số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất cho khách hàng; kiểm soát chặt chẽ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo chất lượng tín dụng, tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng huy động vốn và mục tiêu định hướng của NHNN năm 2009. Các NH phải tăng cường kiểm toán nội bộ đối với khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất; nếu phát hiện có dấu hiệu lợi dụng cơ chế cho vay hỗ trợ lãi suất để trục lợi, thì ngừng cho vay và hỗ trợ lãi suất, đồng thời báo cáo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc TW để thực hiện việc kiểm tra,

giám sát và xử lý.

- Đề nghị NHNN nghiên cứu, rà soát, xác định cụ thể một trong hai nhóm đối tượng được hoặc không được hỗ trợ lãi suất. Như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các bên áp dụng vào thực tế. Ngoài ra, đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết trong thời điểm lãi suất tăng cao trước đây, NHNN và các NHTM triển khai việc thương thảo, thanh lý hợp đồng tín dụng trước hạn đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp được vay theo mặt bằng lãi suất hiện nay.

- Để giảm bớt khó khăn cho các NH trong việc xác định đối tượng ngành kinh tế được hỗ trợ lãi suất vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn vay, kiến nghị các Bộ (Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT...) phối hợp với NHNN ban hành cụ thể danh mục ngành nghề, đối tượng được hỗ trợ lãi suất để các NH thuận tiện hơn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Các NHTM trong nước có vai trò tổ chức và thực hiện gói kích cầu hỗ trợ lãi suất của chính phủ, do đó, đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ tín dụng và quan hệ khách hàng tốt, am hiểu nghiệp vụ cũng như thông thạo các quy định, hướng dẫn chính sách của gói kích cầu nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất, thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục hỗ trợ lãi suất nhằm tránh sai sót trong quá trình thực hiện. Do đó, đòi hỏi các NH phải làm tốt công tác tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ tín dụng ■

CHÚ THÍCH

[1] Quyết định số:14/QĐ-TTg ngày 21/1/2009 của Thủ tướng Chính Phủ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS TS Trần Huy Hoàng (2007), *Quản trị ngân hàng thương mại*, NXB Lao động xã hội.
2. Ngân hàng Nhà nước (03/02/2009), Thông tư số 02/2009/TT-NHNN hướng dẫn chi tiết việc thi hành hỗ trợ lãi suất.
3. Thông tin từ các Website: www.sbv.gov.vn, www.vneconomy.vn, www.vnn.vn, www.saga.vn, www.thesaigontimes.vn, www.vnba.org.vn.